

Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông (1460 -1497)

Vũ Duy Mên¹

¹ Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: duymen.vsh@gmail.com

Nhận ngày 13 tháng 1 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 3 năm 2020.

Tóm tắt: Lê Thánh Tông đã kế thừa khoa cử Nho học của các triều đại trước, tiến tới định lệ khoa cử Nho học (3 năm một lần; năm trước thi Hương, năm sau thi Hội) rất quy củ, nghiêm ngặt đối với người đi thi Hương, đặc biệt là thi Hội, thi Đình (thi Điện). Sau thi Hội là thi Điện, hay thi Đình để định mức cao thấp các Tiến sĩ. Hiện còn lại một số bài văn Đình đối thể hiện kiến thức uyên bác, thực tài, thực học của người thi. Nhà vua đã có nhiều hình thức vinh danh kịp thời các tân Tiến sĩ, đề cao và khuyến khích việc học, việc thi của thí sinh. Các khoa thi Nho học thời Lê Thánh Tông được tổ chức hết sức nghiêm minh, công bằng, là khuôn mẫu cho chế độ khoa cử Nho học các triều đại sau noi theo, đã lấy đỗ hàng vạn Hương cống, 501 Tiến sĩ. Đó là những người có đức có tài thực sự, giúp Đại Việt phát triển thịnh vượng.

Từ khóa: Lê Thánh Tông, khoa cử Nho học, khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: King Le Thanh Tong based on and developed from the Confucian court examination systems of the previous dynasties to set the regulations for the examinations - to be held every three years; the preceding year was for the *huong* (interprovincial) examinations, and the subsequent year was for the *hội* examinations, which were held in the capital city. The regulations were well and strictly organised for contestants to the *huong*, and especially the *hội* and *đình* exams. After the *hội* are the *điện*, or *đình*, examinations, which were held in the royal palaces to define the specific ranks of the doctors. Still available now are a number of essays from the *đình* examinations reflecting the profound knowledge and real talent of the contestants, who had studied so industriously. The King applied many measures to timely honour the new doctors, promoting and encouraging the study and examination of contestants. The Confucian examinations of his period were strictly and fairly organised as a model for the examination system of the following dynasties. From the examinations were selected tens of thousands of *huong cống* (bachelors) and 501 doctors, who had true talent and virtue, helping Vietnam to prosper during the years.

Keywords: Le Thanh Tong, Confucian court examination system, *huong* examinations, *hội* examinations, *đình* examinations.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Lê Thánh Tông, húy là Tư Thành, hay còn gọi là Hạo, là con thứ 4 của Lê Thái Tông và bà Quang Thục Hoàng thái hậu Ngô Thị (Ngọc Dao), người làng Động Bàng, huyện Yên Định, phủ Thanh Hóa. Vua tại vị 38 năm (1460-1497), đặt hai niên hiệu là Quang Thuận (1460-1469) và Hồng Đức (1470-1497); thọ 56 tuổi, táng ở Chiêu Lăng (Lam Kinh, Thọ Xuân, Thanh Hóa). Sử thần Ngô Sĩ Liên đánh giá rất cao sự nghiệp của Thánh Tông Thuần hoàng đế: “Vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược...” [9, tr.173]. Đặc biệt, lĩnh vực khoa cử Nho học dưới thời Lê Thánh Tông rất được chú trọng đề cao và đã thu lại thành quả to lớn cho quốc gia Đại Việt...

Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông hay cả thời kỳ quân chủ ở Việt Nam ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của chế độ khoa cử Nho học ở Trung Quốc. Khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông, gắn liền với giáo dục Nho học, đồng thời có sự tiếp nối chế độ khoa cử của các triều đại trước và hoàn thiện chúng đặt thành định chế mẫu mực để thi hành. Mục đích của khoa cử là để đánh giá kết quả của giáo dục, qua đó chọn lựa được người thực tài, xứng đáng cho nhà nước sử dụng. Bài viết tập trung nghiên cứu về khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông như: khoa thi Hương, khoa thi Hội, thi Đình. Từ đó, đưa ra một số nhận xét để thấy được thành tựu khoa cử Nho học to lớn, đóng góp quan trọng cho nền văn hiến nước nhà... giúp người đọc hiểu biết thêm nhiều chiều cạnh về thời kỳ thịnh

đạt nhất của khoa cử Nho học Đại Việt nửa sau thế kỷ XV.

2. Khoa thi Hương

Khoa cử Nho học thời kỳ Lê Thánh Tông đã được kế thừa của các triều đại trước, từ triều đại nhà Lý (1010-1225) - nhà Trần (1226-1400) - nhà Hồ (1400-1407) và các vua đầu thời Lê Sơ: Lê Thái Tổ (1428-1433), Lê Thái Tông (1434-1442), Lê Nhân Tông (1443-1459); dần dần tiến tới ban hành và thực thi định chế về khoa cử Nho học đối với các khoa thi: thi Hương, thi Hội và thi Đình (thi Điện) rất quy củ, chặt chẽ.

Theo ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lịch triều hiến chương loại chí (Khoa mục chí)* đều cho biết: tháng 4, năm Quang Thuận (Thánh Tông) thứ 3 (1462), định lệ bảo kết thi Hương đối với học trò trong nước đi thi: “Không cứ là quân dân sắc mục, hạn đến thượng tuần (đầu tháng, từ mùng 1 đến mùng 10) tháng 8 năm nay phải đến nhà Giám hay đạo sở tại khai tên và căn cước, đợi thi Hương; đỗ thì gửi danh sách đến Viện Lễ nghi, đến trung tuần tháng Giêng năm sau thì vào thi Hội. Cho quan bản quản và Xã trưởng xã mình làm giấy bảo kết rằng người ấy thực là có đức hạnh thì mới được kê vào sổ đi thi. Người nào vào loại bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, loạn luân, điều toa v.v. thì tuy có học vấn, giỏi văn bài, cũng không cho vào thi.

Người được cử đi thi phải khai rõ căn cước, phủ, huyện, xã, tuổi, cùng là chuyên trị kinh nào (trong Ngũ kinh: *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Dịch*, *Kinh Lễ*, *Kinh Xuân Thu*),

căn cước của ông cha, không được gian dối giả mạo.

Nhà phường chèo con hát và những kẻ phản nghịch, ngụ quan có tiếng xấu, bản thân và con cháu đều không được đi thi, nếu mang sách hay mượn người làm hộ thì trị tội theo luật.

Phép thi Hương trước hết thi ám tả để loại bớt kẻ những tạp.

Đề mục thi: kỳ đệ nhất thi Tứ thư kinh nghĩa cộng 5 bài; kỳ đệ nhị thi chiếu, chế, biểu, dùng cổ thể hay tứ lục; kỳ đệ tam thi thơ dùng Đường luật, phú dùng cổ thể hay Ly tao, văn tuyển, từ 300 chữ trở lên; kỳ đệ tứ thi một đạo văn sách, đầu đề hỏi về kinh sử hay thời vụ, hạn 1000 chữ” [9, tr. 182-183].

Theo Lê Quý Đôn, nhân khảo cứu quyền *Hương thí lục* (sách chép về chế độ thi Hương ở từng xứ, cùng những bài văn trúng tuyển và tên những sĩ tử được lấy đỗ) của đạo An Bang (tỉnh Quảng Ninh ngày nay), đề khoa thi Tân Mão năm Hồng Đức thứ 2 (1471), cho biết: “Trường thứ nhất thi 4 bài Kinh nghĩa về Tứ thư, 5 bài kinh nghĩa về Ngũ kinh; trường nhì thi chiếu, chế và biểu, mỗi môn một bài; trường ba thi thơ và phú, mỗi môn một bài; trường bốn thi một bài văn sách trường thiên. Phép tắc thi lấy nhân tài có phần tường tận hơn Trung Quốc. Những liên cú (những câu biền ngẫu) đối nhau trong bài biểu, bài phú có rất nhiều câu hay” [5, tr. 221].

Cũng theo ghi chép của nhà bác học Lê Quý Đôn cho biết thêm về trường thi Hương thời Lê (có thể bao gồm cả thời Lê Thánh Tông): “Trường thi của bản quốc mỗi khoa làm một lần, chung quanh ngoài trường trồng rào tre dày, trong trường chia làm 4 tầng: tầng trong nhất là nơi ở của

quan Đồng khảo, Phúc khảo và Giám khảo; tầng giữa là nơi ở của quan Đề điệu, Giám thí và các người chấp sự, đều trồng rào dày; hai tầng bên ngoài thì sĩ tử theo từng nhật kỳ vào làm bài thi, trong hai tầng này, chỉ trồng rào thưa; nơi thập đạo dựng một nhà tranh để tiện việc thu quyển của sĩ tử. Quy củ trường thi của ta khác với chế độ Trung Quốc, cho nên trong quyển *Sứ giao kỷ sự* của Chu Xán [sứ nhà Thanh sang nước ta năm Chính Hòa thứ 9 (1688)] có viết: “Trường thi của nước ấy không có nhà làm sẵn, sĩ tử ngồi trong các lều phục xuống đất mà viết” [5, tr.97].

Như vậy khoa thi Hương gồm 4 kỳ, ai đỗ thi Hương mới được dự khoa thi Hội vào mùa xuân năm sau. Ngày 15 tháng 2 năm Quý Mão, Hồng Đức (Thánh Tông) thứ 14 (1483) có sắc chỉ về những người đỗ các kỳ thi Hương rằng: “Nhân dân và quân sắc ai thi Hương đỗ tam trường thì sung Sinh đồ (trương đương Tú tài thời Nguyễn), đỗ tứ trường thì sung Sinh viên ở Tăng quảng đường như lệ trước. Nếu Sinh đồ từng thi Hương mà không trúng kỳ nào thì phải sung quân; trúng được một (kỳ) thì về làm dân chịu phú dịch như lệ. Sinh viên Tăng quảng đường mà thi Hội không trúng trường nào thì phải sung quân. Quan Thừa ty Hiến ty sở quan và quan Quốc Tử Giám loại tâu lên thi hành như lệ” [9, tr.279].

Khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã định nhật kỳ vào trường thi Hương. Bấy giờ Lễ bộ Thượng thư, Lâm Giang bá Lê Hoàng Dục tâu rằng: có sắc chỉ sai chiếu số học trò của Thừa tuyên sứ ty các xứ nhiều hay ít mà định liệu ngày vào thi. Còn như nhật kỳ vào trường thi Hương, chưa biết định vào

những ngày nào cho phải... Định rằng: thi Hương thì Thừa ty các xứ trong nước và phủ Phụng Thiên lấy ngày mồng 8 tháng 8 năm nay đều vào kỳ đệ nhất; Thừa ty các xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, ngày 18 tháng ấy vào kỳ đệ nhị, ngày 25 vào kỳ đệ tam, ngày mồng 1 tháng 9 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 7 treo bảng các sĩ nhân lấy đỗ; các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, ngày 15 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 22 vào kỳ đệ tam, ngày 26 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 1 tháng 9 treo bảng các sĩ nhân lấy đỗ; các xứ Thuận Hóa, Yên Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên và phủ Phụng Thiên đều lấy ngày 13 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 18 vào kỳ đệ tam, ngày 26 vào kỳ đệ tứ, ngày mồng 1 tháng 9 treo bảng các sĩ nhân lấy đỗ” [9, tr. 280].

Tháng 10 năm Hồng Đức thứ 13 (1492) tổ chức thi Hương các học trò trong nước. Vua sai quan Hàn lâm viện làm Khảo quan tại bốn ty thừa tuyên: Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, mỗi ty 4 viên. Như vậy, quan Hàn lâm làm Khảo quan (Phụ trách trường thi và chấm thi Hương) các khoa thi Hương bắt đầu từ đây [9, tr.310], [3, tr.13].

Từ những thông tin trên cho thấy các sách sử ghi chép về các khoa thi Hương thời Lê Thánh Tông không được đầy đủ. Trong 38 năm trị vì của Lê Thánh Tông, cứ 3 năm tổ chức một kỳ thi Hội, từ 1463 đến 1496 đã tổ chức được 12 kỳ thi Hội. Về thể lệ mở khoa thi, năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương; các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Hội. Như vậy, với 12 kỳ thi Hội đã được sử sách ghi chép, đương nhiên đã có 12 kỳ thi Hương được tổ chức. Tiếc rằng

chúng ta không biết được mỗi kỳ thi Hương thực tế có bao nhiêu thí sinh tham dự; việc tổ chức thi Hương ở phủ Phụng Thiên và các xứ Thừa tuyên đã diễn ra như thế nào (việc xây dựng bố trí trường thi, các quan coi thi, chấm thi?); nội dung bài thi bốn trường của mỗi kỳ thi Hương cụ thể ra sao; số người lấy đỗ là bao nhiêu ở mỗi khoa thi; ai đỗ Hương nguyên? (đỗ đầu mỗi khoa thi Hương)... đều chưa tìm thấy tường tận trong sách sử. Tuy nhiên, theo ghi chép của sử cũ cho biết: khoa thi Hội năm 1463 có đến hơn 4.400 người dự thi (lấy đỗ 44 người, tỷ lệ lấy đỗ 1/100); khoa thi Hội năm Ất Mùi (1475), có 3200 người dự thi (lấy đỗ 43 người, tỷ lệ lấy đỗ khoảng 1/70); khoa thi Hội năm Mậu Tuất (1478), (lấy đỗ 63 người), nếu theo tỷ lệ trên có đến ít nhất 6.300 tham dự kỳ thi... Qua những con số trên cho thấy đã có hàng vạn người đỗ thi Hương [thi Hương đỗ 3 kỳ thi sung Sinh đồ (tương đương Tú tài thời Nguyễn), đỗ 4 kỳ sung là Sinh viên Tăng quảng đường (Hương cống thời Lê thế kỷ XVI - XVIII, tương đương Cử nhân thời Nguyễn)], đó là một thành tựu to lớn của giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông. Sau đó, những người đủ điều kiện: đỗ thi Hương được dự thi Hội, thi Đình (thi Điện), rất nhiều người đã đỗ đại khoa Tiến sĩ, trong số đó, nhiều người đã đỗ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa).

3. Khoa thi Hội, thi Đình (thi Điện)

Trong giáo dục và khoa cử Nho học, thi Thái học sinh (thi Hội sau này) được đặt ra từ đầu thời Trần, năm (1232). Lúc bấy giờ

thi Thái học sinh, người đỗ gọi là Thái học sinh, hay còn gọi là Tam giáp theo thứ bậc khác nhau (Nhất giáp, Nhị giáp và Tam giáp), tương đương với Tiến sĩ sau này. Khoa thi năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (1247), đời vua Trần Thái Tông (1226-1258), lấy đỗ Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa lang) và Thái học sinh 48 người. Việc lấy đỗ Tam khôi bắt đầu từ đây.

Sang thời Hồ, năm Khai Đại thứ 2 (1404), Hồ Hán Thương định cách thức thi cử nhân: Tháng 8 năm nay thi Hương, ai đỗ thì được miễn dao dịch... tháng 8 năm sau nữa thi Hội, ai đỗ thì sung Thái học sinh, cứ 3 năm một khoa. Khoa thi Hội đầu tiên của triều Hồ chưa kịp tổ chức thì quân Minh sang xâm lược nước ta nên đành bỏ dở.

Các sách sử, như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*; *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*... đều phản ánh tương đối khách quan về 12 khoa thi Hội, 12 khoa thi Đình (thi Điện) thời Lê Thánh Tông, diễn biến cụ thể như sau:

Tháng 2, Quý Sửu, năm Quang Thuận thứ 4 (1463), thi Hội các cử nhân trong nước. Đây là khoa thi Hội đầu tiên thời Lê Thánh Tông. Bấy giờ thí sinh dự thi hơn 4.400 người, lấy đỗ Tiến sĩ 44 người.

Ngày 16, thi Điện các Tiến sĩ. Vua sai Nhập nội kiểm hiệu tư đồ Bình chương sự là Nguyễn Lỗi, Nhập nội đô đốc đồng bình chương sự Tri Đông đạo chư vệ quân Quốc Tử Giám Tế tửu là Lê Niệm (2 người) làm Đề điệu (tức Chánh chủ khảo sau này); Chính sự Viện tham nghị chính sự là Nguyễn Phục (1 người) làm Giám thí (tức Phó chủ khảo sau này); Môn hạ sảnh tả ty tả gián nghị đại phu Tri Bắc đạo quân dân bạ tịch kiêm Hàn lâm viện Thừa chỉ học sĩ

là Nguyễn Như Đồ, Hàn lâm viện Thừa chỉ học sĩ Tri Đông đạo quân dân là Nguyễn Vĩnh Tích; Quốc Tử Giám Tế tửu là Nguyễn Bá Kỳ (3 người) làm Độc quyền (Độc bài làm cho vua nghe - chấm thi). Vua thân ra đầu đề văn sách hỏi về *trị đạo của các đế vương*. Khoa thi này, Quách Đình Bảo, người xã Phúc Khê, huyện Thanh Lan (nay thuộc xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, Thái Bình), đỗ Hội nguyên (đỗ đầu khoa thi Hội). Lương Thế Vinh, người xã Cao Hương, huyện Thiên Bản (nay thuộc thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, Nam Định), đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên (đỗ Trạng nguyên - đỗ đầu thi Đình).

Ngày 22, truyền loa xướng danh các tân Tiến sĩ và ban ân mệnh; sai quan bộ Lễ đem bảng vàng ra treo ở ngoài cửa Đông Hoa để cho các học trò biết.

Tháng 2, Bính Tuất, năm Quang Thuận thứ 7 (1466), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 27 người.

Ngày 12 tháng 3, vua ngự ra cửa điện Kính Thiên, thân ra đầu bài văn sách, hỏi về *các đế vương trị thiên hạ*.

Vua sai Sùng tiến nhập nội tả đô đốc kiêm Thái tử Thiếu bảo Lê Cảnh Huy và quyền Chính sự viện Thượng thư kiêm Cản đức điện Đại học sĩ Thái tử tân khách Nguyễn Như Đồ (2 người) làm Đề điệu; Hàn lâm viện Đại học sĩ quyền Ngự sử Đài đô ngự sử đại phu Trần Bàn (1 người) làm Giám thí; Hàn lâm viện Thừa chỉ Nguyễn Trực, Hàn lâm viện Thừa chỉ quyền Hộ bộ Hữu thị lang kiêm Cản đức điện Đại học sĩ Nhập thị Kinh diên tả xuân phường Thái tử tả dụ đức Nguyễn Cư Đạo, Hàn lâm Học sĩ hành Hải tây đạo tuyên Chính sử ty Tham tri kiêm Bí thư Giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh

(3 người) làm Độc quyền. Trong số đó có 8 người đỗ Tiến sĩ và 19 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân. Việc định lệ 3 năm một khoa thi Hội bắt đầu từ đây.

Ngày 26, xướng danh người đỗ Tiến sĩ, ban cho ân mệnh, bộ Lễ đem bảng vàng ra treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày mùng 3 tháng 3 nhuận, cho các tân Tiến sĩ, trong đó có Dương Như Châu (đỗ Đình nguyên Hoàng giáp), người xã Lạc Thổ, huyện Siêu Loại (nay thuộc thôn Lạc Thổ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh) vinh quy.

Tháng 2 nhuận, Kỷ Sửu, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 20 người². Thân Nhân Trung, người xã Yên Ninh, huyện Yên Dũng (nay thuộc thôn Yên Ninh, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, Bắc Giang) đỗ Hội nguyên.

Ngày 26, vua ngự ra cửa điện Kính Thiên, thân ra đầu đề văn sách hỏi về *Việc trị nước*.

Vua sai Thái bảo bình chương quân quốc trọng sự kiêm Đề điệu Quốc Tử Giám là Lê Niệm và Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Như Đỗ (2 người) làm Đề điệu; Đại lý tự khanh quyền Hữu thị lang bộ Hình là Dương Chấp Trung (1 người) làm Giám thí; Hàn lâm viện Thừa chỉ là Nguyễn Trực, Hàn lâm viện Đại học sĩ thự viện sự kiêm Quang lộc tự khanh Đồng tri Kinh diên sự là Vũ Vĩnh Ninh, Hàn lâm viện Trực học sĩ Nguyễn Đức Trinh, Quách Đình Bảo (4 người) làm Độc quyền.

Ngày 12 tháng 5, xướng danh các tân Tiến sĩ, ban ân mệnh, cho mũ đai y phục và cho ăn yến ở bộ Lễ.

Tháng 3, Nhâm Thìn, năm Hồng Đức thứ 3 (1472), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 26 người³. Lê Tuấn Ngạn, người xã Vĩnh Lộc, huyện Tế Giang (nay thuộc thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, Hưng Yên) đỗ Hội nguyên. Vũ Kiệt, người xã An Việt, huyện Siêu Loại (nay thuộc thôn Cửu Yên, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Phép thi: kỳ đệ nhất về Tứ thư: *Luận ngữ* 4 đề, *Mạnh Tử* 4 đề, người thi chọn lấy 4 đề mà làm; về Ngũ kinh: mỗi kinh 3 đề, người thi tự chọn một đề mà làm, duy *Kinh Xuân Thu* thì 2 đề gộp làm một.

Kỳ đệ nhị, thi chế, chiếu, biểu mỗi thứ 3 đề.

Kỳ đệ tam, thi phú, mỗi thể đều 2 đề, phú thì dùng thể Lý Bạch.

Kỳ đệ tứ, thi hỏi một đạo văn sách, đầu đề văn sách hỏi về *ý nghĩa đại đồng của Kinh và Thư, việc chính sự hay dở của các đời*.

Ngày mùng 7 tháng 4, Vua ngự ở hiên (điện) thân ra đề văn sách hỏi về *đế vương trị thiên hạ*.

Vua sai Thái bảo Bình bộ Thượng thư kiêm Thái tử Thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy và Thông chương đại phu tả xuân phường Tả thứ tử kiêm Lại bộ Thượng thư Trần Xác làm 2 viên Đề điệu; 2 viên (không chép tên) làm Giám thí. Đình Thúc Thông, Quách Đình Bảo 4 viên làm Độc quyền. Vua định ra thứ bậc đỗ khác nhau: Vũ Kiệt, Nguyễn Toàn An, Vương Khắc Thuật, 3 người đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ cập đệ; Vũ Đức Khang với 6 người đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân; Chử Phong với 15 người đỗ đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân.

Vua cho định tư cách Tiến sĩ: Đệ nhất giáp, người đỗ thứ nhất cho Chánh lục phẩm 8 tư, người đỗ thứ nhì cho Tòng lục phẩm 7 tư; người đỗ thứ ba cho Chánh thất phẩm 6 tư đều cho chữ *Tiến sĩ cập đệ*. Đệ nhị giáp cho Tòng thất phẩm 5 tư, cho chữ *Tiến sĩ xuất thân*. Đệ tam giáp cho Chánh bát phẩm 4 tư, cho chữ *đồng Tiến sĩ xuất thân*. Vào viện Hàn lâm thì cho gia (tăng) một cấp; bổ Giám sát ngự sử và Tri huyện thì lấy bản phẩm mà bổ.

Tháng 3, Ất Mùi, năm Hồng Đức thứ 6 (1475), thi Hội các cử nhân trong nước, có 3200 người dự thi; lấy đỗ Tiến sĩ 43 người, trong đó có Cao Quýnh, người xã Cao Xá, huyện Đông Thành (nay thuộc xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, Nghệ An) đỗ Hội nguyên, Vũ Tuấn Chiêu, người phường Nhật Chiêu, huyện Quảng Đức (nay thuộc phường Nhật Tân, thành phố Hà Nội) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Phép thi: kỳ đệ nhất về Tứ thư, *Luận ngữ* ra 3 đề, *Mạnh Tử* 4 đề, *Trung Dung* 1 đề, cộng là 8 bài, thí sinh tự chọn lấy 4 đề mà làm; về Ngũ kinh thì mỗi kinh 3 đề, riêng *Kinh Xuân Thu* 2 đề.

Kỳ đệ nhị, thi phú đều 1 đề, thi dùng Đường luật, phú dùng thể Lý Bạch.

Kỳ đệ tam, chiếu, chế, biểu mỗi thể 1 đề.

Kỳ đệ tứ, văn sách, đầu đề hỏi về ý nghĩa đại đồng của kinh sử, ý sâu về thao lược của tướng sủy.

Ngày 11 tháng 5, Vua ngự điện Kính Thiên, thân ra đề văn sách hỏi về đạo vua tôi đời xưa.

Vua sai Quang tiến trấn quốc Thượng tướng quân Phò mã Đô úy Đông quân Đô đốc phủ tả Đô đốc Doan Vũ Bá Trịnh Công Lộ và Lại bộ Thượng thư Hoàng Nhân

Thiêm (2 người) làm Đề điệu; Thái tử Thiếu bảo Ngự sử đài đô ngự sử Trần Phong và Binh khoa đô cấp sự trung Phí Bá Khang (2 người) làm Giám thí; Hàn lâm viện Thị độc kiêm Đông các Đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các Hiệu thư Đỗ Nhuận và Quách Đình Bảo (3 người) làm Độc quyền.

Vũ Tuấn Chiêu, Ông Nghĩa Đạt, Cao Quýnh 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; Phạm Xán với 12 người đỗ Tiến sĩ xuất thân; Đỗ Vinh với 26 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, Mậu Tuất, năm Hồng Đức thứ 9 (1478), thi Hội các cử nhân trong nước; lấy đỗ Tiến sĩ 62 người; trong đó Lê Ninh, người xã Thụ Ích, huyện Yên Lạc (nay thuộc thôn Thụ Ích, xã Liên Châu, huyện Yên lạc, Vĩnh Phúc) đỗ Hội nguyên; Lê Quảng Chí, người xã Thần Đầu, huyện Kỳ Hoa (nay thuộc thôn Thắng Lợi, xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Ngày 14 tháng 5, Vua ngự ra điện thân ra đề văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ, duyệt các bài làm trả lời.

Tháng 4, Tân Sửu, năm Hồng Đức 12 (1481), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 40 người; trong đó Phạm Đôn Lễ, người xã Hải Trào, huyện Ngự Thiên (nay thuộc xã Phạm Lễ, huyện Hưng Hà, Thái Bình), từ thi Hương đến thi Hội, thi Đình đều đỗ đầu (Tam nguyên).

Ngày 27, Vua ngự điện Kính Thiên, thân ra đề văn sách hỏi về lý số.

Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Doãn Dịch, 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ. Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ Tiến sĩ xuất thân, Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày 21 tháng 5, các tân Tiến sĩ được mời vào điện Đan Trì; Vua ngự tại điện Kính Thiên; các quan Hồng lô truyền chế xướng danh; bộ Lại ban ân mệnh; bộ Lễ đem bảng vàng, nổi nhạc rước ra ngoài cửa Đông Hoa treo lên. Sau đó, ty Mã cứu đem ngựa tốt đưa Trạng nguyên về nhà.

Tháng 2 Giáp Thìn, năm Hồng Đức 15 (1484), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 44 người, trong đó có Phạm Trí Khiêm, người xã An Trang, huyện Thiện Tài (nay thuộc huyện Cẩm Giàng, Hải Dương) đỗ Hội nguyên. Nguyễn Quang Bất⁴, người xã Bình Ngô, huyện Gia Định (nay thuộc thôn Bình Ngô, xã An Bình, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Khi thi Đình, Vua hỏi văn sách về *nhà Triệu Tống dùng Nho sĩ*.

Nguyễn Quang Bất, Nguyễn Giác, Mai Duy Tinh, 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; Ngô Văn Phòng 16 người đỗ Tiến sĩ xuất thân; Chu Đình Bảo 25 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày 15 tháng 8, dựng bia đề tên các Tiến sĩ với bài ký từ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3 (1442), triều Thái Tông đến khoa Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484) (10 khoa thi). Thượng thư bộ Lễ là Quách Đình Bảo được sai biên rõ danh thứ các Tiến sĩ đỗ trong 10 khoa thi đó, khắc vào bia đá.

Quách Đình Bảo nhân xin đổi Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa làm Tiến sĩ cập đệ, Chánh bảng làm Tiến sĩ xuất thân, Phụ bảng làm đồng Tiến sĩ xuất thân để hợp với chế độ đương thời, Vua y tờ tâu và sai bộ Công khởi công tạc bia.

Các Từ thần (quan giữ việc từ hàn gần vua) trong viện Hàn lâm, gồm: Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Đào Cừ, Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Nguyễn Đôn Hậu, Lương Thế Vinh, Lê Tuấn Ngạn, Nguyễn Xung Xác, chia nhau soạn văn ký (văn bia).

Trung thư giám chính tự Nguyễn Tung và Thái Thúc Liêm cùng Điền thư Phan Lý vâng sắc chỉ viết chữ. Kim quang môn đài chiếu Tô Ngại vâng sắc chỉ viết chữ triện. Đây là đợt dựng bia vinh danh Tiến sĩ đầu tiên tại nhà Thái học ở Văn Miếu Quốc Tử Giám, Thăng Long (Hà Nội)⁵.

Tháng 3 Đinh Mùi, năm Hồng Đức thứ 18 (1487), thi Hội các sĩ nhân trong nước; lấy đỗ Tiến sĩ 60 người; trong đó có Phạm Trân, người xã Đông Phù Liệt, huyện Thanh Đàm (nay thuộc thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội) đỗ Hội nguyên; Trần Sùng Dĩnh, người xã Đồng Khê, huyện Thanh Lâm (nay thuộc thôn Đồng Khê, xã An Lâm, huyện Nam Sách, Hải Dương) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Ngày mùng 7 tháng 4, Vua thân đến ra đề văn sách hỏi về *đạo trị nước*.

Xem quyền xong, Vua cho gọi các Tiến sĩ hạng ưu vào cửa Nhật Quang, thân xếp hạng cao thấp; lấy Trần Sùng Dĩnh đỗ thứ nhất, Nguyễn Đức Huân, Thân Cảnh Vân đỗ thứ hai và ba, đều cho Tiến sĩ cập đệ; Vũ Cảnh 30 người đỗ Tiến sĩ xuất thân; Phạm Trân 27 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày mùng 4 tháng 5, Vua ngự ở điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tân Tiến sĩ... Các quan mặc triều phục chúc mừng tân Tiến sĩ. Bộ Lễ đem bảng vàng ra treo ở cửa Đông Hoa.

Ngày 15 tháng 8, dựng bia đề tên Tiến sĩ đỗ khoa Đinh Mùi năm Hồng Đức 18 (1487)

để cổ vũ Nho học và đề cao người đỗ Tiến sĩ (bia nay vẫn còn ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội).

Tháng 3, Canh Tuất, năm Hồng Đức 21 (1490), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 54 người, trong đó có Nguyễn Xảo⁶, người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc thôn Phù Chẩn, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh), thi Đình đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân. Vũ Duệ, người xã Trình Xá, huyện Sơn Vi (nay thuộc thôn Trình Xá, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, Phú Thọ) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

(Hạ tuần tháng 4), thi Điện, Vua thân ra đầu đề văn sách (không rõ đầu đề?).

Vua sai Thượng thư Binh bộ Đinh Công bá Trịnh Công Đán và Thượng thư Hình bộ Lê Năng Nhượng (2 người) làm Đề điệu; Phó đô ngự sử Ngự sử đài Quách Hữu Nghiêm (1 người) làm Giám thí; Đông các Đại học sĩ Thân Nhân Trung và Thượng thư bộ Lại Nguyễn Bá Kỳ (2 người) làm Độc quyền.

Vua xem quyền thi rồi xếp bậc cao thấp, cho Vũ Duệ, Ngô Hoán, Lưu Thư Ngạn, 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; Lê Tuấn Mậu 19 người đỗ Tiến sĩ xuất thân, Đình Quát 32 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày 18 tháng 5, Vua ngự ở điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tân Tiến sĩ; các quan mặc triều phục chúc mừng; bộ Lễ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 19, ban mũ đai y phục; ngày 20, ban yến cho các tân Tiến sĩ.

Ngày 15 tháng 8, dựng bia đề tên các Tiến sĩ khoa Canh Tuất, năm Hồng Đức thứ 21 (1490) (tám bia này hiện nay đã mất).

Tháng 3, Quý Sửu, năm Hồng Đức 24 (1493), thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ Tiến sĩ 48 người, trong đó có Vũ Dương,

người xã Mạn Nhuế, huyện Thanh Lâm (nay thuộc xã An Châu, huyện Nam Sách, Hải Dương) đỗ Hội nguyên, Đình nguyên - Trạng nguyên (đỗ Tam nguyên - từ thi Hương, thi Hội và thi Đình đều đỗ đầu).

Ngày 11 tháng 4, Vua thân đến hiên (điện) ra đầu bài văn sách (không rõ chủ đề?).

Vua sai Thượng thư Binh bộ Đinh Công Bá Trịnh Công Đán và Đô ngự sử Ngự sử đài Quách Hữu Nghiêm (2 người) làm Đề điệu; Phó đô ngự sử Ngự sử đài Đàm Văn Lễ (1 người) làm Giám thí; Hàn lâm viện Thừa chỉ Đông các Đại học sĩ kiêm Tế tửu Quốc Tử Giám Thân Nhân Trung, Thượng thư Lại bộ Nguyễn Bá Kỳ, Hàn lâm viện Thị độc Đông các Đại học sĩ Đỗ Nhuận, Đông các học sĩ Lê Quảng Chí, Hàn lâm viện Thị thư Chương Hàn lâm viện sự kiêm Sùng văn quán Tú lâm cục Tư huấn Lương Thế Vinh, Đông các Hiệu thư Ngô Luân (6 người) làm Độc quyền.

Vua xem các quyền, định thứ bậc trên dưới, lấy Vũ Dương, Lê Thâm, Lê Hùng, 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; Lại Đức Du 23 người đỗ Tiến sĩ xuất thân; Nguyễn Quảng Mậu 22 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày mùng 8 tháng 5, Vua thân ngự ra chính điện truyền loa xướng danh các tân Tiến sĩ; quan bộ Lễ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 27, Vua ban mũ đai y phục, ngày 28 ban yến cho các tân Tiến sĩ.

Ngày 19 tháng 8, dựng bia đề tên các Tiến sĩ khoa Quý Sửu, năm Hồng Đức thứ 24 (1493) (tám bia này hiện không còn ở Văn Miếu Quốc Tử Giám - Hà Nội).

Tháng 2, Bính Thìn, năm Hồng Đức 27 (1496), thi Hội các cử nhân trong nước,

lấy đỗ Tiến sĩ 43 người, trong đó có Nguyễn Văn Huân⁷. Nghiêm Viện, người xã Bồng Lai, huyện Quế Dương (nay thuộc thôn Cẩm Chàng, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, Bắc Ninh) đỗ Đình nguyên - Trạng nguyên.

Ngày Đinh Dậu 19 tháng 3, Vua thân cho thi ở Đan Trì điện Kính Thiên, hỏi về *đạo trị nước*.

Vua sai Thượng thư Binh bộ Đinh Công Bá Trịnh Công Đán, Đô ngự sử Ngự sử đài Quách Hữu Nghiêm (2 người) làm Đề điệu; Tả thị lang bộ Hộ Nguyễn Hoàng Thạc và Phó đô ngự sử Ngự sử đài Đàm Văn Lễ (2 người) làm Giám thí; Hàn lâm viện Thừa chỉ Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu Thân Nhân Trung, Hàn lâm viện Thị độc Đông các học sĩ Đào Cừ, Hàn lâm viện Thị giảng Chương Hàn lâm viện sự Lưu Hưng Hiếu, Đông các Hiệu thư Ngô Luân, Ngô Hoán, Hàn lâm viện Thị thư kiêm Tú lâm cục Tư huấn Trần Khắc Niệm, Hàn lâm viện Thị thư Ngô Thâm (7 người) làm Độc quyền.

Ngày 26 (tháng 3), dẫn các sĩ nhân vào điện Kim Loan, Vua thân xem dung mạo từng người, định lấy đỗ 30 người.

Điều rất đáng chú ý là khoa thi Hội năm 1496 đã lấy đỗ 43 người, nhưng sau khi thi Đình, nhà Vua chỉ lấy đỗ 30 người, 13 người bị đánh trượt. Đây là kỳ thi Đình duy nhất thời Lê Thánh Tông có 13 Tiến sĩ đã bị đánh trượt. Ngoài việc “xem dung mạo sĩ nhân...”, còn thêm nguyên nhân nào đáng tiếc, điều này cần nghiên cứu thêm.

Ngày 27, Vua ngự chính điện xướng danh, lấy Nghiêm Viện, Nguyễn Huân, Đình Lưu, 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ; Đình Cương 8 người đỗ Tiến sĩ xuất thân;

Nguyễn Đạo Diễn 18 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Ngày mùng 6 tháng 12, dựng bia đề tên Tiến sĩ khoa Bình Thịn, năm Hồng Đức thứ 27 (1496) (tấm bia này hiện nay vẫn còn ở Văn Miếu Quốc Tử Giám - Hà Nội).

Như vậy, trải qua 12 khoa thi Hội, thi Đình, nhà Vua đã lấy đỗ 501 Tiến sĩ, trong đó gồm 11 Hội nguyên: Quách Đình Bảo, Thân Nhân Trung, Lê Tuấn Ngạn, Cao Quýnh, Lê Ninh, Phạm Đôn Lễ, Phạm Trí Khiêm, Phạm Trần, Nguyễn Xao, Vũ Dương, Nguyễn Huân, 11 Đình nguyên (Trạng nguyên): Lương Thế Vinh, Dương Minh Châu (Đình nguyên Hoàng giáp), Vũ Kiệt, Vũ Tuấn Chiêu, Lê Quảng Chí, Phạm Đôn Lễ, Nguyễn Quảng Bật, Trần Sùng Dĩnh, Vũ Duệ, Vũ Dương, Nghiêm Viện. Trong số những người đỗ Tam khôi trên, có 2 người đỗ Tam nguyên (đỗ đầu 3 khoa thi - thi Hương - thi Hội - thi Đình), gồm: Phạm Đôn Lễ và Vũ Dương.

Thành tựu khoa cử Nho học nổi bật trên đã cho thấy kết quả to lớn của một nền giáo dục Nho học trọng thực học. Trong số 501 Tiến sĩ và Hội nguyên, Đình nguyên nêu danh, không phải tất cả nhưng đại đa số đều tham gia và trở thành những nhân vật rường cột của bộ máy quan chế quân chủ chuyên chế tập quyền thời Lê Thánh Tông, góp phần đáng kể đưa xã hội Đại Việt phát triển, thịnh trị.

4. Nhận xét và kết luận

Một đóng góp rất quan trọng của khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông là đã định lệ thi Hương từ năm (1462), cứ 3 năm tổ chức

một khoa thi, năm trước thi Hương năm sau thi Hội, (lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương, các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Hội). Trước khoa thi Hương ở các đạo, phủ cho thí sinh thi ám tả để loại bớt những kẻ những tạp, kém văn bài. Định lệ: Xã trưởng bảo kết thí sinh đi thi, phải là người lương thiện, có kiến thức (chuyên trị một trong ngũ kinh...); tổ chức thi Hương vào tháng 8, niêm yết bảng đồ vào tuần đầu tháng 9 trong năm; cử các Khảo quan trong viện Hàn lâm phụ trách trường thi và chấm thi; nội dung thi gồm 4 kỳ, ví dụ như đề mục thi Hương năm (1462): kỳ thứ nhất thi Tứ thư kinh nghĩa cộng 5 bài; kỳ thứ 2 thi chiếu, chế, biểu, dùng cổ thể hay tứ lục; kỳ thứ 3 thi thơ dùng Đường luật, phú dùng cổ thể hay Ly tao, văn tuyển, từ 300 chữ trở lên; kỳ thứ 4 thi một đạo văn sách, đầu đề hỏi về kinh sử hay thời vụ, hạn 1000 chữ. Với 12 khoa thi Hương (1462- 1495), triều đình đã lấy đỗ hàng vạn người. Đó chính là các sĩ tử đủ điều kiện để tham dự các kỳ thi Hội, thi Đình và họ cũng là những nhân tài đã đóng góp nhiều mặt về văn hóa, xã hội... cho đất nước lúc bấy giờ.

Lê Thánh Tông đặc biệt chú trọng các khoa thi Hội. Trước hết nhà Vua chọn cử các quan đại thần tin cậy, có trình độ học vấn cao, thường là Thượng thư các bộ, như bộ Binh, bộ Hình, bộ Lại, hoặc Đô ngự sử Ngự sử đài, Phó đô ngự sử Ngự sử đài, Binh khoa đô cấp sự trung..., các quan trong Viện Hàn lâm, hoặc kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, nắm giữ các chức trách trong trường thi, cụ thể như: các quan Đề điệu (Chủ khảo) phụ trách trường thi từ 1-2 người, quan Giám thí (Phó chủ khảo) 1-2 người, quan Độc quyển 3-4 hoặc 5-7 người,

tùy theo yêu cầu của mỗi khoa thi. Các quan phụ trách trường thi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà vua về định lệ khoa cử và kết quả thi, đảm bảo sự nghiêm minh, công bằng, chọn được đúng người thực tài để phụng sự vương quốc Đại Việt.

Nội dung cụ thể phép thi Hội 4 kỳ, được tiến hành ở khoa thi năm Nhâm Thìn (1472)... và khoa thi năm Ất Mùi (1475) cho biết khá chi tiết: kỳ thứ nhất về Tứ thư, *Luận ngữ* ra 3 đề, *Mạnh Tử* 4 đề, *Trung Dung* 1 đề, cộng là 8 bài, thí sinh tự chọn lấy 4 đề mà làm; về Ngũ kinh thì mỗi kinh 3 đề, riêng *Kinh Xuân Thu* 2 đề; kỳ thứ 2, thi phú đều 1 đề, thi dùng Đường luật, phú dùng thể Lý Bạch; kỳ thứ 3, thi chiếu, chế, biểu mỗi thể 1 đề; kỳ thứ 4, thi văn sách, đầu đề hỏi về *ý nghĩa đại đồng của kinh sử, ý sâu về thao lược của tướng sủy*.

Qua đó cho thấy, phép thi Hội 4 kỳ là một thử thách kiến thức Nho học cơ bản rất khó đối với thí sinh, nếu như không có được kiến thức rộng mà chuyên sâu về Tứ Thư, Ngũ Kinh, không nắm được cách làm chế, chiếu, biểu, thơ phú theo thể Đường luật thì thí sinh khó vượt qua được khoa thi Hội. Sau thi Hội là thi Đình, hay thi Điện để định mức cao thấp các Tiến sĩ. Vua thường tự ra đề sách, hỏi về “Các đế vương trị thiên hạ” hay “Đạo vua tôi đời xưa”, “Đạo trị nước”... Hiện còn lại một số bài văn Đình đối nổi tiếng của Trạng nguyên Lương Thế Vinh (khoa thi năm 1463), Vũ Tuấn Chiêu (khoa thi năm 1475), Vũ Duệ (khoa thi năm 1490)... thể hiện kiến thức Nho học uyên bác, tính chính trị thời sự cập nhật; khẳng định tài năng, kiến thức thực học của người học, người đi thi thời Lê Thánh Tông.

Nhà Vua đã có nhiều hình thức vinh danh kịp thời các tân Tiến sĩ để đề cao và khuyến khích việc học, việc thi của thí sinh. Sau khoa thi Hội, khoảng 2 tuần hoặc 2 tháng thi Đình, các tân Tiến sĩ được mời vào Điện (Đan Trì..), Vua ra ngự ở chính điện (Kính Thiên), cho truyền loa xướng danh Tiến sĩ. Bộ Lại ban ân mệnh mũ đai, y phục cho Tiến sĩ; bộ Lễ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa. Khoa thi năm 1469 và 1490, các tân Tiến sĩ được ban yến ở bộ Lễ, khoa thi năm 1466 và 1481, ty Mã cứu chuẩn bị ngựa tốt để đưa Trạng nguyên vinh quy (về nhà). Ngay sau khoa thi năm 1472; Vua cho định tư cách (phẩm cấp) Tiến sĩ: *Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ*, người đỗ thứ nhất cho Chánh lục phẩm 8 tư, người đỗ thứ nhì cho Tòng lục phẩm 7 tư; người đỗ thứ ba cho Chánh thất phẩm 6 tư, *Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân* cho Tòng thất phẩm 5 tư, *Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân* cho Chánh bát phẩm 4 tư, bổ chức, khi Tiến sĩ vào viện Hàn lâm thì cho gia (tăng) một cấp; bổ Giám sát ngự sử và Tri huyện thì lấy bản phẩm mà bổ. Ngoài các hình thức vinh danh trên, từ khoa thi năm 1484, Vua cho khắc bia đá đề tên các Tiến sĩ trong 10 khoa (từ khoa thi năm 1442 đến khoa thi năm 1484), dựng ở nhà Thái học, Văn miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long (Hà Nội). Ngay sau các khoa thi năm 1487, 1490, 1493, 1496 đều được khắc bia đề tên Tiến sĩ để lưu danh. Chính các hình thức vinh danh trên, cùng với việc các tân Tiến sĩ sẽ được bổ chức sau khi vinh quy, trở lại triều đình là vinh quang cao cả cùng với một tương lai tốt đẹp của con đường quan lộ đang rộng mở, chờ đợi họ. Có lẽ đó là động lực hấp dẫn nhất đối với muôn người đi

học, đi thi thời vua Lê Thánh Tông, mà thành quả khoa cử thật khó có thời vua nào sánh kịp⁸ [13, tr.192]. Hàng vạn thí sinh đỗ thi Hương, trải qua 12 khoa thi Hội, thi Đình, đã lấy đỗ 501 Tiến sĩ, trong đó gồm 11 Hội nguyên và 11 Đình nguyên - Trạng nguyên, 2 Tam nguyên. Với những thành quả ấn tượng đó, có thể khẳng định rằng: giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông là thời kỳ thịnh đạt nhất trong lịch sử giáo dục, khoa cử Nho học Việt Nam⁹.

Chính bằng tài năng đích thực, với đức trung quân, hiếu đế, các Tiến sĩ, các bậc đại quan đã đóng góp nhiều mặt quan trọng vào nền văn hiến Đại Việt thời vua Lê Thánh Tông. Với nền giáo dục Nho học thực học, cùng với việc thực thi nghiêm minh định lệ khoa cử, việc lấy đỗ công bằng, khách quan; đã trở thành nền tảng, khuôn mẫu cho chế độ khoa cử Nho học các triều đại sau noi theo. Đây cũng là đóng góp lớn của giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông trong lịch sử Đại Việt.

Chú thích

² Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), khoa Kỷ Sửu, lấy đỗ Tiến sĩ 22 người, [3, tr.38].

³ Năm Hồng Đức thứ 3 (1472), khoa Nhâm Thân, lấy đỗ Tiến sĩ 27 người, [3, tr.38].

⁴ Đình nguyên Trạng nguyên Nguyễn Quảng Bật (người xã Bình Ngô, huyện Gia Định), [3, tr.38].

⁵ Trong đợt đầu (từ 15 tháng 8 năm 1484) dựng 10 bia đề danh Tiến sĩ ở Văn Miếu Quốc Tử Giám, Thăng Long, thì nay chỉ còn 7 bia, thiếu mất 3 bia thuộc các khoa thi Kỷ Sửu, năm Quang Thuận thứ 10 (1469), khoa Nhâm Thìn, năm Hồng Đức thứ 3 (1472) và khoa Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

⁶ Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), khoa Canh Tuất, lấy đỗ Tiến sĩ 54 người. Hội nguyên: Nguyễn Khao (người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn)” [3, tr.38].

⁷ Năm Hồng Đức thứ 27 (1496), khoa Bính Thìn, lấy đỗ Tiến sĩ 30 người. Hội nguyên: Nguyễn Huân (xã Kim Đồi, huyện Vũ Ninh), [3, tr.38].

⁸ Nhà Mạc trị vì ở Thăng Long từ năm 1527 đến 1592 (65 năm) đã tiến hành: “22 khoa thi với số lượng 485 Tiến sĩ và 13 Trạng nguyên đã chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt tới giáo dục khoa cử của triều Mạc” [13, tr.192].

⁹ “Trong 170 năm tồn tại của triều đại này (triều Trần) số trí thức Nho sĩ đỗ đạt bậc cao có thể lên đến hàng nghìn. Đáng tiếc vì thời gian lâu xa, tư liệu mất mát chúng ta chỉ còn biết được 52 vị mà thôi” [15, tr.18]; “...chỉ kể các Chế khoa và khoa thi Tiến sĩ chính thức triều Lê trung hưng từ khoa Giáp Dần năm Thuận Bình 6 (1554) đến khoa Đinh Mùi Chiêu Thống 1 (1787) đã mở được 73 khoa thi, lấy đỗ 772 Tiến sĩ”... [tr.14]; “22 khoa thi với số lượng 485 Tiến sĩ và 13 Trạng nguyên đã chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt tới giáo dục khoa cử của triều Mạc” [13, tr.192].

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Kim Anh (2009), “Sách văn và kinh nghĩa trong khoa thi trường Nho học ở nước ta”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (93).
- [2] Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa (1998), “Thanh Hóa thời Lê”, Kỷ yếu *Hội thảo khoa học kỷ niệm 500 năm ngày mất Lê Thánh Tông 1497-1997*, Thanh Hóa.
- [3] Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.3, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [4] Bùi Xuân Đỉnh (2010), *Giáo dục và khoa cử Nho học Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [5] *Lê Quý Đôn toàn tập, Kiến văn tiểu lục* (1977), t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Mai Xuân Hải, Bùi Duy Tân (1997), “Lại bàn về Hội Tao đàn thời Lê Thánh Tông”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (31).
- [7] Nguyễn Hoàn, Uông Sĩ Lăng, Phan Trọng Phiên, Võ Miên (1963, 1968) *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* (Bản dịch), q.1, 2, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu, Hà Nội.
- [8] Phạm Đình Hổ (2003), *Vũ Trung tùy bút*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Ngô Sĩ Liên & các sử thần đời Lê (1972), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Đỗ Văn Ninh (2000), *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [11] Quốc Sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2003), *Khoa cử Việt Nam*, 2 tập - Thượng (thi Hương) - Hạ (thi Đình), Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Hữu Tâm (1996), “Vài nét về tình hình giáo dục và thi cử thời Mạc”; *Vương triều Mạc (1527-1592)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Văn Thịnh (Chủ biên) (2010), *Văn sách thi Đình Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [15] Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [16] Đinh Khắc Thuân (2009), *Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê ở Việt Nam qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] Viện Sử học (1996), *Vương triều Mạc (1527-1592)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

